TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1253/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thành Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thanh Vân**

2. Bà **Lại Thị Đắc**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Ngọc Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà **Ngô Kim Sinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 648/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1971; Địa chỉ: C, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1973; Địa chỉ thường trú: H, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn S chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S. Sau khi có con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 29/10/2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2015, bà C và ông S ly thân, sau đó ông S đã bán nhà đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì.

Ngày 21/10/2016, bà C đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Tấn S, tuy nhiên qua xác minh ông S đã biệt tích hai năm liền nên bà C đã rút lại đơn khởi kiện và nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông S mất tích để tiến hành thủ tục ly hôn.

Ngày 21/6/2018, bà C đã nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và được Tòa án nhân dân Quận 8 chấp nhận, tuyên bố ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1973 mất tích (theo Quyết định số 61/2019/QĐDS-ST ngày 27/3/2019).

Nay, bà C xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông S, đồng thời để bổ túc hồ sơ hành chính khi cần thiết nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà C và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 29/10/2013. Hiện ông S đã mất tích và bà C đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H nên mong được Tòa án chấp nhận cho trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Trường hợp, sau khi ly hôn mà ông S trở về và trẻ H chưa đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà C có đơn yêu cầu được vắng mặt trong các lần triệu tập của Tòa án, ngay cả khi xét xử.

* Tòa án nhân dân Quận 8 đã tuyên bố ông Nguyễn Tấn S mất tích (theo Quyết định số 61/2019/QĐDS-ST ngày 27/3/2019), đã có hiệu lực pháp luật và đến nay ông S không trở về và cũng không có tin tức xác thực là còn sống để giải quyết yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà C, nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà C giao nộp và Tòa án thu thập được để đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn - ông Nguyễn Tấn S đã mất tích theo Quyết định số 61/2019/QĐDS-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Do các đương sự vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa công bố tài liệu chứng cứ, lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã bị tuyên bố mất tích, đến nay không trở về và cũng không có tin tức xác thực là còn sống. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bị đơn đã bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố mất tích tại Quyết định số 61/2019/QĐDS-ST ngày 27/3/2019. Căn cứ Khoản 2 Điều 68 và Khoản 3 Điều 70 của Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 56, 57 và 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C về việc yêu cầu ly hôn và được nuôi con chung với ông S. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 26, Quyển số 01/2012, ngày 23/02/2012 và Giấy khai sinh số 331, Quyển số 02/2013, ngày 06/12/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "ly hôn, nuôi con chung". Căn cứ quy định tại các Điều 28, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo yêu cầu của một bên.

Xét bị đơn, ông Nguyễn Tấn S có nơi cư trú cuối cùng tại P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh trước khi mất tích. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa bà C và ông S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn – ông Nguyễn Tấn S đã bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố mất tích tại Quyết định số 61/2019/QĐDS-ST ngày 27/3/2019, nhưng đến nay ông S không trở về và cũng không có tin tức xác thực là còn sống.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà C và ông S.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Tấn S , sinh năm 1973 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, Quyển số 01/2012).

Căn cứ quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2015, bà C và ông S ly thân, sau đó ông S đã bán nhà đi khỏi địa phương đến nay không trở về

và cũng không có tin tức xác thực là còn sống. Bà C cũng đã yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8 tuyên bố ông S mất tích tại Quyết định số 61/2019/QĐDS-ST ngày 27/3/2019. Nay, bà C xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông S, đồng thời để bổ túc hồ sơ hành chính khi cần thiết, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông S.

Xét yêu cầy ly hôn của bà C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là có cơ sở, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng: Bà C và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 29/10/2013 (theo Giấy khai sinh số 331, Quyển số 02/2013, ngày 06/12/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp), hiện ông S đã mất tích, bà C đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H. Nay, bà C mong muốn được nuôi trẻ H, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên yêu cầu của bà C có căn cứ để chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định trong quá trình chung sống bà C và ông S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, bà C phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng C.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng C ly hôn ông Nguyễn Tấn S (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, Quyển số 01/2012 ngày 23/02/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 29/10/2013 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Hồng C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0019802 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 14, Quận 6;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Bùi Thành Trung